

Hiện trạng kinh doanh, tiêu thụ dụng cụ thể thao trên địa bàn các quận của thành phố Đà Nẵng

ThS. Lê Thị Trà Lý; PSG. TS. Nguyễn Thanh Tùng

TÓM TẮT:

Đánh giá thực trạng tiêu thụ hàng hoá thể dục thể thao (TDTT) (dụng cụ, trang phục thể thao) thông qua hệ thống kinh doanh dụng cụ thể thao (DCTT), là cơ sở đề xuất giải pháp tăng cường tiêu dùng TDTT trong cư dân các quận của thành phố Đà Nẵng (TPĐN).

Từ khoá: kinh doanh, tiêu thụ, dụng cụ thể thao, thành phố Đà Nẵng.

ABSTRACT:

The evaluation of actual consumption of sport goods and equipment (sport equipment, sportswear) through the trading system of sport equipment is the basis for proposing solutions to improve the consumption of sport goods in the districts of Da Nang city.

Keywords: business, consumption, sport equipment, Da Nang city

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Người tiêu dùng thể thao là một cá nhân hay một nhóm người sử dụng hàng hóa và dịch vụ thể thao hoặc có liên quan đến sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thể thao và thanh toán trực tiếp (như trả tiền mặt để mua vé xem hoặc chơi thể thao, mua dụng cụ, trang phục thể thao...) hoặc gián tiếp (như mua tivi hoặc báo chí thể thao để xem, như một hình thức giải trí). Còn tổ chức tiêu dùng là một cá nhân hay nhóm người có lợi ích hoặc có đầu tư để kinh doanh (sản xuất, mua bán...) sản phẩm hàng hóa hay một dịch vụ thể thao nào đó. Người tiêu dùng thể thao là người sử dụng cuối cùng các hàng hóa và dịch vụ thể thao.

Có một số cách xác định người tiêu dùng thể thao, hầu hết tập trung vào xác định các loại sản phẩm hàng hóa và dịch vụ thể thao khác nhau. Tuy nhiên, đầu tiên cần tiếp cận vấn đề kinh doanh dụng cụ thể thao (DCTT) (tổ chức tiêu dùng TDTT - các cơ sở bán buôn, bán lẻ và các tổ chức khác). Vì vậy, đánh giá thực trạng tiêu thụ hàng hoá TDTT (dụng cụ, trang phục thể thao) thông qua hệ thống kinh doanh DCTT, là cơ sở đề xuất giải pháp tăng cường tiêu dùng TDTT trong cư dân các quận của TPĐN.

Báo cáo sử dụng phương pháp nghiên cứu khoa học sau: tổng hợp và phân tích tài liệu, khảo sát điều tra xã hội học, toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Hiện trạng kinh doanh của các cơ sở kinh doanh hàng hoá TDTT trên địa bàn các quận của TPĐN

Hiện trạng kinh doanh của các cơ sở kinh doanh hàng hóa TDTT trên địa bàn các quận TPĐN được trình bày ở bảng 1.

Kết quả bảng 1 cho thấy toàn thành phố (TP) hiện có 89 cơ sở kinh doanh DCTT, theo tiêu chí phân hạng cơ sở kinh doanh của Bộ Kế hoạch-Đầu tư, các cơ sở này được phân thành 5 hạng, căn cứ vào quy mô, doanh số..., gồm: hộ kinh doanh cá thể (52 hộ), doanh nghiệp siêu nhỏ (10 doanh nghiệp), doanh nghiệp nhỏ (16 doanh nghiệp), doanh nghiệp vừa (09 doanh nghiệp), doanh nghiệp lớn (02 doanh nghiệp).

Tổng vốn điều lệ 462 tỷ 449 triệu đồng, thấp nhất là số hộ kinh doanh cá thể 6 tỷ 524 triệu đồng, cao nhất là số doanh nghiệp lớn 462 tỷ 449 triệu đồng.

Tổng doanh thu cả năm là 250,49 tỷ đồng trong đó doanh thu của các hộ kinh doanh cá thể thấp nhất 4.180 triệu đồng, cao nhất là số doanh nghiệp lớn 123 tỷ 032 triệu đồng. Với tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của TPĐN năm 2015 là 63 ngàn 189 tỷ đồng, thì tổng doanh thu tiêu thụ hàng hóa TDTT chỉ chiếm 0,396% GRDP của TP. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ của TP năm 2015 là 39 tỷ 946 triệu đồng thì doanh thu ngành hàng TDTT chỉ chiếm 0,62%.

Nộp ngân sách thấp nhất là số doanh nghiệp siêu nhỏ 78 triệu đồng, cao nhất là số doanh nghiệp lớn 2 tỷ 382 triệu đồng. So với tổng thu ngân sách nhà nước năm 2015 trên địa bàn TP của các doanh nghiệp và cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là 6.747.460 triệu đồng thì đóng

Bảng 1. Hiện trạng kinh doanh của các cơ sở kinh doanh DCTT trên địa bàn các quận TPĐN năm 2015

TT	Loại doanh nghiệp	Doanh thu (triệu đồng)	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Nộp ngân sách NN (triệu đồng)
1	Hộ kinh doanh cá thể (n = 52)	4.108	6.524	1.255
2	Doanh nghiệp siêu nhỏ (n = 10)	7.173	6.300	78
3	Doanh nghiệp nhỏ (n = 16)	90.926	45.890	901
4	Doanh nghiệp vừa (n = 09)	25.251	45.735	275
5	Doanh nghiệp lớn (n = 02)	123.032	358.000	2.382
	Tổng cộng: 89	250.490	462.449	4.891

Bảng 2. Hiện trạng kinh doanh của các cơ sở kinh doanh DCTT trên địa bàn các quận của TPĐN năm 2015

TT	Địa bàn	Doanh thu (triệu đồng)	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Nộp ngân sách NN (triệu đồng)
1	Quận Hải châu (n = 41)	155.332	401.513	3.463
2	Quận Thanh Khê (n = 25)	33.839	33.595	316
3	Quận Liên Chiểu (n = 04)	1.570	331	278
4	Quận Sơn trà (n = 05)	37.654	12.100	753
5	Quận Cẩm lệ (n = 08)	1.230	10.410	54
6	Q. Ngũ Hành Sơn (n = 02)	20.865	4.500	26
	Tổng cộng	250.490	462.449	4.891

góp của các cơ sở kinh doanh TDDT trên địa bàn chỉ chiếm 0,0724%.

Với số dân của 8 quận nội đô TPĐN năm 2015 là 896.189 người, thì mức tiêu thụ dụng cụ TDDT mới đạt bình quân 300 ngàn đồng/1 người dân/năm và chỉ chiếm 0,6% tổng thu nhập của người dân nội đô trong 1 năm (0,3 triệu/45 triệu).

2.2. Hiện trạng kinh doanh của các cơ sở kinh doanh DCTT trên từng quận nội đô TPĐN

Đánh giá hiện trạng kinh doanh DCTT từng quận nội đô TPĐN, trình bày ở bảng 2.

Qua bảng 2 ta thấy, với số cơ sở kinh doanh ở một quận trung tâm TP, quận Hải Châu có đến 41 cơ sở và cũng là quận có doanh thu cao nhất, 155 tỷ 332 triệu đồng, nộp ngân sách cũng nhiều nhất 3 tỷ 463 triệu đồng. Tiếp đến là quận Thanh Khê có 25 cơ sở, doanh thu 33 tỷ 839 triệu đồng, nộp ngân sách 316 triệu đồng. các quận còn lại chỉ có từ 2 đến 8 cơ sở

kinh doanh, đặc biệt là quận Liên Chiểu với doanh thu là 1.570 triệu đồng nhưng số nộp ngân sách nhà nước khá cao đạt 278 triệu đồng.

3. KẾT LUẬN

Từ khảo sát hiện trạng hệ thống kinh doanh, tiêu thụ DCTT trên địa bàn các quận nội thành TPĐN cho thấy: ngành kinh doanh sản phẩm DCTT là một phân khúc thị trường riêng của ngành thương mại, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tập luyện TDDT của người dân.

Với tổng số cơ sở kinh doanh DCTT, doanh thu, vốn điều lệ, nộp ngân sách và bình quân tiêu thụ DCTT trên đầu người của một TP tiềm năng như Đà Nẵng, thì con số này còn rất khiêm tốn, đặt ra cần có giải pháp thích hợp để giá tăng tiêu dùng, tiêu thụ thể thao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê TPĐN (2017), *Niên giám thống kê TPĐN*, Nxb Thống kê.
2. Dương Nghiệp Chí, Lâm Quang Thành (2016), *Quản lý TDDT*, Nxb TDDT, Hà Nội.
3. Dương Nghiệp Chí và cộng sự (2003), *Kinh tế học TDDT*, Nxb TDDT.
4. Dương Nghiệp Chí và cộng sự (2007), *Tài sản TDDT - kinh doanh và quản trị*, Nxb TDDT.

Nguồn bài báo: trích từ kết quả nghiên cứu khoa học của luận án “Nghiên cứu về truyền thông và tiêu thụ trang phục, dụng cụ TDDT ở TPĐN”. Tác giả Lê Thị Trà Lý. Hướng dẫn khoa học: GS.TS. Dương Nghiệp Chí; PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 21/1/2018; ngày phản biện đánh giá: 12/3/2018; ngày chấp nhận đăng: 8/4/2018)